

VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN NIỆM MÁC XÍT VỀ TÔN GIÁO TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI HIỆN NAY

NGUYỄN QUANG HUNG^(*)

Quan niệm duy vật và vô thần⁽¹⁾ là một trong những lí do cơ bản mà Giáo hội Công giáo Rôma ở Châu Âu coi chủ thuyết Cộng sản là kẻ thù ngay từ khi "Tuyên ngôn Đảng Cộng sản" ra đời năm 1848. Đó cũng là một trong những lí do chính mà các thế lực chống cộng trước đây và cả hiện nay tìm cách khơi sâu mâu thuẫn "vô thần – hữu thần", nhằm lôi kéo các tín đồ tôn giáo chống lại nhà nước xã hội chủ nghĩa. Lí lẽ của họ là: Cộng sản là vô thần, và do vậy là kẻ thù của tôn giáo. Bài viết này khẳng định một thực tế là: Phần đông người cộng sản Việt Nam trong đời sống tâm linh không phải là những người vô thần cực đoan và Đảng chưa bao giờ coi tôn giáo là kẻ thù vì lí do đức tin và ý thức hệ.

I. QUAN NIỆM MÁC XÍT VỀ TÔN GIÁO – CƠ SỞ LÍ LUẬN CỦA CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chủ nghĩa Mác ra đời giữa thế kỉ XIX trong bối cảnh xung đột giữa các trào lưu, hình thái tư tưởng và văn hoá Châu Âu như duy vật và duy tâm, duy cảm và duy lí, khoa học và tôn giáo, v.v... lên đến đỉnh điểm. Quan niệm của Mác và Ăngghen về

tôn giáo gắn liền với việc xây dựng thế giới quan triết học biện chứng và duy vật của hai ông.

Có thể tạm tóm lược quan niệm mác xít về tôn giáo do Mác và Ăngghen xây dựng được thể hiện trong 4 điểm sau đây. Thứ nhất, không có Chúa Trời như một Đấng Sáng thế. Vật chất là thực thể duy nhất của mọi vật. Cũng không thể có một linh hồn bất tử tồn tại cả sau khi con người chết. Ăngghen định nghĩa: "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc con người, của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ, chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang những lực lượng siêu trần thế⁽²⁾. Là học trò của các nhà triết học duy vật Pháp thế kỉ XVIII và Feuerbach, Mác và Ăngghen coi những thành tựu của khoa học, nhất là của khoa học tự nhiên lúc đó (sự phát hiện ra tế

*. TS. Khoa Triết học, Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia, Hà Nội.

1. Vô thần, theo nguyên gốc tiếng Hy Lạp *atheos* nghĩa là phủ nhận sự tồn tại của Chúa Trời như một Đấng Sáng thế, không thừa nhận vũ trụ do một Đấng Tối cao nào đó tạo ra. Xem: Brockhaus Lexikon, Wiesbaden, 1982, Band I, S. 309.

2. C. Mác và Ph. Ăngghen. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 20, tr. 437.

bào, học thuyết Darwin, v.v...), như sự minh chứng cho các quan niệm duy vật về thế giới và đối lập thế giới quan duy tâm – tôn giáo với thế giới quan duy vật khoa học.

Thứ hai, tôn giáo là một hiện tượng xã hội mang tính lịch sử. Nó không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ trong những giai đoạn nhất định của lịch sử nhân loại khi mà con người còn bị chế ước bởi những điều kiện tự nhiên và xã hội như thiên tai, chiến tranh, đói nghèo, bất công xã hội, v.v... Người ta cần đến tôn giáo như một sự giải thoát khỏi những ràng buộc trong cuộc sống hàng ngày. Niết Bàn trong Phật giáo, Thiên Đường trong Kitô giáo và Hồi giáo thực hiện chức năng như một công cụ giải thoát hư ảo con người khỏi những vấn đề trong cuộc sống thường ngày.

Thứ ba, tôn giáo thuộc về kiến trúc thượng tầng, do vậy cũng như khoa học, nghệ thuật, v.v... bị quy định bởi các điều kiện kinh tế và cơ sở hạ tầng của xã hội.

Thứ tư, tôn giáo mang tính giai cấp. Theo Mác và Ăngghen, các giai cấp thống trị thường sử dụng và lạm dụng tôn giáo để mê hoặc quần chúng đấu tranh chống lại những áp bức và bất công xã hội nhằm bảo vệ sự thống trị của chúng. Chẳng hạn, Giáo hội Công giáo đã khoác cho chế độ phong kiến ở Pháp trước cách mạng một vòng hào quang thần thánh. Giai cấp tư sản cũng sử dụng tôn giáo để bảo vệ lợi ích thống trị của mình. Do vậy, vấn đề tôn giáo

gắn liền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản vì một chế độ xã hội mới.

Căn cứ vào quan niệm trên đây, theo Mác và Ăngghen, những người cộng sản cần có một chính sách hai mặt đối với tôn giáo. Một mặt, những người cộng sản, xét về nguyên tắc, phải khẳng định sự không khoan nhượng đối với tôn giáo bởi vì mục đích cuối cùng của họ là xây dựng chế độ cộng sản, bình đẳng, không dựa trên chế độ người bóc lột người. Tuy nhiên, mặt khác giai cấp vô sản trên thực tế cần có sự mềm mỏng trong quan hệ với các tôn giáo và các tín đồ. Họ cần phải có một sách lược phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của cuộc đấu tranh giai cấp của mình. Ăngghen lúc đương thời đã từng kịch liệt phê phán các quan niệm cực đoan của Duyrinh muốn sử dụng vũ lực để xoá bỏ tôn giáo. Các biện pháp bạo lực của Bismarck đối với các tôn giáo đã dẫn đến những hệ quả tai hại cho chính bản thân chính quyền Bismarck, khiến Bismarck từ chỗ cứng rắn đến chỗ buộc phải khoan nhượng đối với giới tăng lữ. Đó là một ví dụ thực tế điển hình khẳng định rằng không thể dùng bạo lực trong quan hệ với tôn giáo. Hậu quả tai hại của chính sách cấm đạo dưới triều Nguyễn là một bài học lịch sử trong việc giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.

II. VẬN DỤNG SÁNG TẠO QUAN NIỆM CỦA MÁC VỀ TÔN GIÁO PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA VIỆT NAM

Quan niệm mác xít trên đây về tôn giáo là cơ sở lí luận cho chính sách

của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tôn giáo, đặc biệt trong thời kì sau năm 1954, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Hiện nay, công cuộc đổi mới càng đòi hỏi cần vận dụng sáng tạo quan niệm mác xít trên đây³. Có ít nhất hai lí do khẳng định rằng không thể giáo điều, máy móc vận dụng quan niệm của Mác và Ăngghen về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam.

Thứ nhất, thực tế hiện nay nảy sinh nhiều vấn đề vượt quá tầm suy nghĩ của Mác và Ăngghen cách đây một thế kỉ rưỡi. Đương thời Mác và Ăngghen không có điều kiện nghiên cứu các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo cũng như mối quan hệ giữa tôn giáo và nhà nước trong xã hội Á Đông.

Thứ hai, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, đa dân tộc. Bối cảnh lịch sử và vai trò của tôn giáo trong xã hội Á Đông và Việt Nam bên cạnh những điểm tương đồng còn có nhiều điểm khác biệt so với Châu Âu tương đối thuần nhất trong quỹ đạo văn hoá Kitô giáo.

Cần khẳng định rằng, những người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam trong những 20 và 30 thế kỉ XX tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin trước hết bởi vì họ tìm thấy trong đó kim chỉ nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Có thể thấy rõ điều này qua việc Nguyễn Ái Quốc tiếp cận với chủ nghĩa Lênin. Đó là thời gian sau chiến tranh Thế giới thứ nhất. Trong tác phẩm *Con đường dẫn tới*

đến chủ nghĩa Lênin, Hồ Chí Minh viết: "Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó tôi chưa thể đọc một tác phẩm nào của Lênin viết. Tôi tham gia Đảng Xã hội Pháp chẳng qua là vì các "ông bà" ấy (...) đã tỏ đồng tình với tôi, với cuộc đấu tranh bị áp bức (...) Hồi ấy, trong các chi bộ của Đảng Xã hội người ta bàn cãi sôi nổi về vấn đề có nên ở lại trong Quốc tế thứ hai (...) hay là tham gia Quốc tế thứ ba của Lênin (...) Lúc đầu tôi không hiểu được hết. Tại sao người ta bàn cãi hăng như vậy (...) Điều mà tôi muốn biết hơn cả (...): vậy thì Quốc tế nào bênh vực nhân dân các nước thuộc địa? Trong một cuộc họp tôi nêu vấn đề ấy lên. Có mấy đồng chí trả lời: Đó là Quốc tế thứ ba, chứ không phải là Quốc tế thứ hai. Và một đồng chí đã đưa cho tôi đọc *Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* đăng trên báo *Nhân đạo* (...) Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao? Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong phòng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta". Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo

3. Việc vận dụng máy móc, giáo điều quan niệm mác xít về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam, đặc biệt giai đoạn trước 1986, đã từng gây ra một số hậu quả làm giảm lòng tin của một bộ phận tín đồ vào đường lối lãnh đạo của Đảng.

Quốc tế thứ ba"⁽⁴⁾.

Trường hợp tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin trên đây của Nguyễn Ái Quốc không phải là duy nhất. Ngoại trừ Nguyễn An Ninh (bài viết này không có điều kiện phân tích sâu), thì Nguyễn Ái Quốc và những nhà mác xít đầu tiên của Việt Nam tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin chủ yếu vì họ tìm thấy trong đó kim chỉ nam cho các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Chỉ mãi sau này họ mới có điều kiện nghiên cứu thế giới quan triết học duy vật của các nhà kinh điển Mác – Lênin. Như vậy, trong việc tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, do điều kiện thực tế của cách mạng Việt Nam, những vấn đề lí luận đấu tranh giai cấp và cách mạng vô sản được ưu tiên hàng đầu so với những vấn đề khác. Đây là điểm chúng ta cần lưu ý trong việc nghiên cứu quá trình du nhập chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam.

Một điểm nữa cần lưu ý là những người cộng sản Việt Nam trong đời sống tâm linh của mình không phải là những nhà vô thần cực đoan. Tâm thức của người Việt khác với người Châu Âu. Đây là điểm khác nhau giữa những người cộng sản Việt Nam với những người cộng sản Châu Âu⁽⁵⁾. Cũng như đại đa số dân chúng Việt Nam, họ chịu ảnh hưởng của các tư tưởng Nho giáo, Phật giáo và Đạo giáo. Họ tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng trong quan niệm và cuộc sống thường nhật vẫn mang nặng đầu óc, phong tục và tập quán Việt Nam. Từ nhân dân mà ra, với thành phần chủ yếu là nông dân và công nhân, họ không thể thoát li khỏi

các quan hệ gia đình và họ hàng của người Việt vốn gắn bó với tục thờ cúng tổ tiên và các tôn giáo truyền thống như Phật giáo, Nho giáo... từ hàng nghìn năm nay. Xã hội Việt Nam là xã hội Khổng giáo và làng mạc⁽⁶⁾. Không phải cường điệu, người Việt Nam tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin dựa trên nền tảng văn hoá-tín ngưỡng Khổng giáo. Xét về phương diện này, xã hội Khổng giáo ở Việt Nam và những nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa có nhiều điểm thuận lợi hơn xã hội Kitô giáo hay Hồi giáo trong việc tiếp nhận chủ nghĩa Mác – Lênin⁽⁷⁾.

Người cộng sản cũng như đại đa số dân chúng Việt Nam vốn có sự khoan dung tôn giáo. Phần đông trong số họ không phải là tín đồ cuồng tín của riêng một tôn giáo nào. Trần Trọng Kim từng nhận xét, người Việt Nam "hay tin ma quỷ, sùng sật lễ bái, nhưng mà vẫn không

4. Nguyễn Ái Quốc. *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*. Trong: Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 126-127.

5. Bài viết này tạm dùng thuật ngữ vô thần và hữu thần theo cách hiểu của người Châu Âu. Tuy nhiên cũng cần thấy rằng các khái niệm này theo cách hiểu của các nhà tư tưởng và nghiên cứu Châu Âu không hoàn toàn phù hợp trong việc nghiên cứu tâm thức và đời sống tâm linh của người Á Đông, bởi như vậy thì Phật giáo và Nho giáo bị coi là vô thần bởi chúng không bàn đến vấn đề Đấng Sáng thế. Đó là lí do những năm 1930 báo *Vì Chúa công kích Phật giáo là vô thần*.

6. Theo Keith Taylor, giáo sư Việt Nam học nổi tiếng: "Có bốn cách chính để định nghĩa Việt Nam: trước tiên Việt Nam nhất thiết phải là một Việt Nam thống nhất; sau đó một Việt Nam thực sự cũng là một Việt Nam làng mạc, một Việt Nam theo đạo Khổng và một Việt Nam cách mạng". Keith Taylor. *Việt Nam học ở Bắc Mỹ*. Trong: *Các nhà Việt Nam học nước ngoài viết về Việt Nam*. Tập I, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2002, tr. 41.

7. Xem thêm: Nguyễn Khắc Viện. *Confucianism and Marxism in Vietnam*. Trong: Nguyễn Khắc Viện. *Tradition and Revolution in Vietnam*. Indochina Resource Center, Berkeley University Press, 1975, tr. 15- 53.

niệt tín một tôn giáo nào cả"⁽⁸⁾. Tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, nhưng người cộng sản cũng không nằm ngoài đặc tính trên đây trong tâm thức người Việt⁽⁹⁾. Do vậy, về mặt đức tin, họ cũng dễ dàng khoan dung với tín đồ của các tôn giáo khác (hoặc truyền thống hoặc mới du nhập vào Việt Nam). Một mặt, sự hỗn dung tôn giáo ở Việt Nam, mặt khác, tính vô thần của Nho giáo và Phật giáo làm cho người Việt không nhiệt tín với riêng một tôn giáo nào, hay có thể nói là tâm thức tôn giáo không sâu đậm làm cho họ dễ tiếp thu các yếu tố văn hoá và tôn giáo đến từ bên ngoài.⁽¹⁰⁾

Vấn đề tôn giáo đang là vấn đề thời sự cả về thực tiễn và lí luận, trong đó có việc thổi phồng đối trọng "hữu thần-vô thần" do các thế lực chống cộng tiến hành, từng gây ra những hậu quả nặng nề khiến hàng chục nghìn tín đồ trở thành nạn nhân, đặc biệt trong giai đoạn trước 1975. Một số chức sắc tôn giáo vì chịu ảnh hưởng của việc thổi phồng sự đối trọng này đã bất hợp tác với chính phủ Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ⁽¹¹⁾. Điều đó cho thấy tính không thuyết phục của việc đối trọng một cách cực đoan "hữu thần - vô thần" trong hoàn cảnh Việt Nam.

Những cơ sở lí luận và thực tiễn trên cho thấy sự cần thiết phải có những sáng tạo trong việc sử dụng quan điểm mác xít về tôn giáo trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. Chính sách tôn giáo của Đảng từ khi đổi mới đến nay

đang ngày càng tiếp cận với quy luật vận động khách quan của xã hội. Những năm gần đây Đảng coi ngày giỗ các vua Hùng là quốc giỗ, tôn trọng các lễ hội tín ngưỡng truyền thống, kêu gọi giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Nghị quyết số 25-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VII khoá IX khẳng định: "Giữ gìn và phát huy truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với Tổ quốc, dân tộc và nhân dân; tôn trọng tín ngưỡng truyền thống của đồng bào các dân tộc và đồng bào có đạo..."⁽¹²⁾. Điều này cho thấy chính sách của Đảng ngày càng hướng tới xu thế cởi mở, hoà giải và hoà hợp dân tộc nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp tất cả các lực lượng xã hội vào công cuộc hiện đại hoá đất nước vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh/.

8. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2003.

9. David Marr khẳng định người cộng sản Việt Nam trong đời sống hàng ngày chịu ảnh hưởng bởi các phong tục tập quán truyền thống hơn là bởi thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Xem: David Marr. *Church and state in Vietnam*. In: Indochina Issues, No. 74, April 1987.

10. Một số học giả nước ngoài đã sử dụng cụm từ "khoảng trống tôn giáo" trong tâm thức người Việt. Xem: Benda, Harry. *The structure of Southeast Asian history: some preliminary observations*. Trong: Continuity and change in Southeast Asia. Collected Journal Articles of Harry Benda. Yale University Southeast Asia Studies. Monograph Series: No. 18. New Haven, 1972. Ở đây "khoảng trống" này không nên hiểu theo nghĩa ở Việt Nam ít tôn giáo, mà ám chỉ tính khoan dung và nhạt tôn giáo của người Việt.

11. Xem thêm: Hương Khê. *Người Việt Nam Công giáo với Cách mạng mùa Thu 1945*. Trong: *Công giáo và Dân tộc*, số 57. Tháng 9 năm 1999.

12. Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2003.